

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Tp. Hồ Chí Minh, năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của
Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình: **NGÔN NGỮ ANH**
(ENGLISH LANGUAGE STUDIES)

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh.**

Mã số: **7220201**

Tên gọi của văn bằng: **Cử nhân Ngôn ngữ Anh**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh nhằm mục đích truyền cảm hứng cho sinh viên tiếp thu kiến thức sâu rộng về ngôn ngữ tiếng Anh và văn hóa thế giới, thành thạo tiếng Anh cho mục đích công việc và có đủ kỹ năng làm việc hiệu quả trong các ngành nghề đa dạng như giảng dạy tiếng anh, biên phiên dịch, thương mại, truyền thông, du lịch và quan hệ quốc tế, v.v. Chương trình giáo dục nhằm mục đích đào tạo ra những công dân có năng lực toàn cầu sẵn sàng cho nền kinh tế và xã hội toàn cầu hóa. Sinh viên có 2 lựa chọn chuyên ngành bao gồm: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh và Thương mại - truyền thông.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học của HIU

PO1. Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh, năng lực ngoại ngữ thứ hai và năng lực công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành.

PO2. Truyền đạt cho sinh viên kiến thức chuyên môn, đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam; năng lực tiếng Anh đáp ứng bậc 5 thuộc Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

PO3. Rèn luyện sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, có đủ năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn và các năng lực ngôn ngữ đã được đào tạo.

PO4. Rèn luyện sinh viên có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa; có sức khỏe để làm việc hiệu quả.

PO5. Đào tạo sinh viên có ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp, có đạo đức tốt và trách nhiệm xã hội, có năng lực học tập sau đại học ngành Ngôn ngữ Anh và các ngành có liên quan và có tinh thần cầu tiến và học tập suốt đời.

Kiến thức

Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1. Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo; kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước.

Kiến thức cơ sở ngành

PLO2. Vận dụng được kiến thức lý thuyết về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về ngôn ngữ tiếng Anh được quy định cho bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

PLO3. Vận dụng được các kỹ năng tiếng Anh cụ thể về nghe, nói, đọc và viết vào việc học tập, giao tiếp và nghiên cứu, kiến thức lý thuyết và thực tế về viết báo cáo khoa học và các văn bản mang tính học thuật khác bằng tiếng Anh; vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát tiến trình học tập của bản thân, kiến thức về việc vận dụng các kiến thức chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành chuyên sâu và kiến thức hỗ trợ trong tiến trình học tập và trong thực tiễn công việc; kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kiến thức chuyên ngành

PLO4. Vận dụng kiến thức lý thuyết về các nguyên lý thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ tiếng Anh; kiến thức lý thuyết khái quát về giao tiếp tiếng Anh, văn chương Anh Mỹ, giao tiếp đa văn hóa, phương pháp dạy học tiếng Anh, tiếng Anh dùng trong lĩnh vực thương mại.

PLO5. Vận dụng kỹ năng tiếng Anh và ngôn ngữ tiếng Anh trong nghiên cứu, trao đổi và thực hành các hoạt động thuyết trình, báo cáo, dịch thuật, viết học thuật, văn chương và văn hóa.

Kỹ năng

Kỹ năng cứng

PLO6. Sử dụng những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh và ngoại ngữ thứ 2 một cách linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.

PLO7. Hình thành các kỹ năng chuyên môn, tăng cường kỹ năng phản biện, phê phán, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và đánh giá kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm làm việc chuyên môn; những kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp về ngôn ngữ và lĩnh vực liên quan.

Kỹ năng mềm

PLO8. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa; phát triển được kỹ năng khởi nghiệp,

U
T
Đ
Q
H
C

tạo việc làm cho mình và cho người khác, ứng dụng kỹ năng quản lý, hợp tác, giải quyết vấn đề, đàm phán, và dẫn dắt vào tiến trình học tập và làm việc.

PLO9. Ứng dụng các kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.

Thái độ, mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO10. Hình thành ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, phẩm chất chính trị đạo đức, ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

PLO11. Thực hành học tập suốt đời; chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân; luôn cập nhật thông tin và kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử và xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp và hiệu quả.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh, sinh viên cần đạt các yêu cầu tối thiểu sau:

2.1. Kiến thức

Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

PLO1 Nắm vững và vận dụng được các kiến thức cơ bản về đời sống văn hóa, xã hội, về môi trường sống và làm việc, về giáo dục đào tạo trong thời kỳ hội nhập.

PLO2 Nắm vững và vận dụng được khối kiến thức về ngôn ngữ, lý thuyết học ngôn ngữ, văn hóa các nước nói tiếng Anh, khối kiến thức về sư phạm, phương pháp giảng dạy ngôn ngữ; và khối kiến thức về người học ngôn ngữ.

PLO3 Có kiến thức hệ thống về lý thuyết tiếng Anh, văn hóa, văn học của các nước sử dụng tiếng Anh như Anh, Mỹ.

PLO4 Có kiến thức nền tảng về phương pháp giảng dạy tiếng Anh, phương pháp kiểm tra và đánh giá học tập, tâm lý giáo dục, thực hành giảng dạy, hiểu được năng lực lãnh hội ngôn ngữ của người học để có phương pháp dạy học thích hợp với các đối tượng học khác nhau.

Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông

PLO1 Nắm vững và vận dụng được các kiến thức cơ bản về đời sống văn hóa, xã hội, về môi trường sống và làm việc trong thời kỳ hội nhập.

PLO2 Nắm vững và vận dụng được khối kiến thức về ngôn ngữ, lý thuyết học ngôn ngữ, văn hóa các nước nói tiếng Anh, và khối kiến thức về ngành nghề quản trị, thương mại.

PLO3 Có kiến thức hệ thống về lý thuyết tiếng Anh, văn hóa, văn học của các nước sử dụng tiếng Anh như Anh, Mỹ để vận dụng vào các tình huống giao tiếp trong công việc.

PLO4 Nắm vững các yêu cầu của các vị trí công việc trong môi trường công sở, doanh nghiệp và vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế công việc.

2.2. Kỹ năng

Chuyên ngành Phương pháp Giảng dạy tiếng Anh

PLO5 Có năng lực sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong môi trường giảng dạy và giao tiếp hằng ngày.

PLO6 Có năng lực sư phạm, kỹ năng giảng dạy ngôn ngữ, tổ chức các hoạt động giảng dạy, thiết kế bài giảng, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập, quản lý lớp học.

PLO7 Có khả năng tự đánh giá, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng và hiệu quả dạy học.

PLO8 Có năng lực và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo và giảng dạy ngoại ngữ

Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông

PLO5 Có năng lực sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong đời sống hằng ngày và trong môi trường công sở, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh.

PLO6 Có năng lực và kỹ năng để thực hiện các công việc hành chính, quản lý ở các công ty, xí nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, thương mại.

PLO7 Có khả năng thực hiện các đàm phán ở mức độ cơ bản khi công việc yêu cầu, Có năng lực và kỹ năng tổ chức các sự kiện, Có khả năng tương tác công chúng qua các kênh truyền thông và có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc.

PLO8 Có khả năng tự đánh giá, tự bồi dưỡng và nâng cao năng lực bản thân để phục vụ hiệu quả cho công việc.

2.3. Thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm

PLO9 Có phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm về nghề nghiệp chuyên môn.

PLO10 Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp

PLO11 Có năng lực tự chủ giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 120 TC

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh của Trường.

5. Quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo quy chế đào tạo đại học của Trường.

6. Cách thức đánh giá

Theo quy chế thi, kiểm tra đánh giá của Trường.

7. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
A.	Giáo dục đại cương	15	12
B.	Giáo dục chuyên nghiệp	66	27
	I. Khối kiến thức cơ sở khối ngành	2	
	II. Khối kiến thức cơ sở ngành	24	
	III. Khối kiến thức ngành/chuyên ngành	37	21

IV. Khối kiến thức cuối khoá	3	6
TỔNG	81	39
	120	

Khối kiến thức giáo dục đại cương có 27 tín chỉ gồm các học phần về chính trị, khoa học xã hội, toán – tin học – khoa học tự nhiên, ngoại ngữ, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức nền tảng cơ bản và kỹ năng mềm cần thiết cho các học phần khác của ngành Ngôn ngữ Anh.

Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp có 84 tín chỉ (63 bắt buộc và 21 tự chọn) gồm các học phần về kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và khóa luận tốt nghiệp nhằm cung cấp đầy đủ cho sinh viên kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu và kỹ năng thực hành từ cơ bản đến nâng cao trong các lĩnh vực về ngành Ngôn ngữ Anh.

Khóa luận/Đề án tốt nghiệp/Các môn thay thế và thực tập chuyên môn có 9 tín chỉ.

7.2. Nội dung chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết			Điều kiện tiên quyết			Học kỳ (dự kiến)	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Tiên quyết	Học trước	Song hành		
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 28 TC (Bắt buộc: 28 TC; Tự chọn: 0 TC) Chiếm tỷ lệ 23% CTĐT														
I	Lý luận Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh														
1	05068	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	3	0	45	0	90				1	I
2	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	2	0	30	0	60				2	II
3	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0	60				3	II
4	05071	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	0	60				4	III
5	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0	60				5	III
II	Pháp luật – Tin học														
6	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	0	60				6	IV
7	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2	0	30	0	60				7	III
III	Ngoại ngữ (chọn 1 trong 4 ngoại ngữ)														
8	EL1002	Tiếng Pháp 1	3	3	0	3		45	0	90					II
9	EL1003	Tiếng Nhật 1	3	3	0	3		45	0	90					II
10	EL1004	Tiếng Hàn 1	3	3	0	3		45	0	90					II
11	EL1005	Tiếng Trung 1	3	3	0	3		45	0	90					II
12	EL1006	Tiếng Pháp 2	3	3	0	3		45	0	90		8			III
13	EL1007	Tiếng Nhật 2	3	3	0	3		45	0	90		9			III
14	EL1008	Tiếng Hàn 2	3	3	0	3		45	0	90		10			III
15	EL1009	Tiếng Trung 2	3	3	0	3		45	0	90		11			III

16	EL1010	Tiếng Pháp 3	3	3	0	3		45	0	90		12		IV
17	EL1011	Tiếng Nhật 3	3	3	0	3		45	0	90		13		IV
18	EL1012	Tiếng Hàn 3	3	3	0	3		45	0	90		14		IV
19	EL1013	Tiếng Trung 3	3	3	0	3		45	0	90		15		IV
20	EL1014	Tiếng Pháp 4	3	3	0	3		45	0	90		16		V
21	EL1015	Tiếng Nhật 4	3	3	0	3		45	0	90		17		V
22	EL1016	Tiếng Hàn 4	3	3	0	3		45	0	90		18		V
23	EL1017	Tiếng Trung 4	3	3	0	3		45	0	90		19		V
IV Giáo dục thể chất														
24	GE1020	Giáo dục thể chất (*)	3*	1	2	3*		15	60	90				II
IV Giáo dục quốc phòng - an ninh														
25	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*		75		150				I
26	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*		0	90	90				II
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 83 TC (Bắt buộc: 80 TC; Tự chọn: 03 TC), Chiếm tỉ lệ 69% CTĐT													
I	Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 2TC													
27	JS1005	Dẫn luận Ngôn ngữ	2	2	0	2	0	30	0	60				IV
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 24TC (Bắt buộc: 24 TC; Tự chọn: 0 TC) Chiếm tỉ lệ 20% CTĐT													
28	EL2001	Nghe - Nói 1	2	2	0	2	0	30	0	60				I
29	EL2002	Nghe – Nói 2	2	2	0	2	0	30	0	60		28		II
30	EL2003	Nghe - Nói 3	3	3	0	3	0	45	0	90		29		III
31	EL2004	Nghe - Nói 4	3	3	0	3	0	45	0	90		30		IV
32	EL2005	Đọc 1	2	2	0	2	0	30	0	60				I
33	EL2006	Đọc 2	2	2	0	2	0	30	0	60		32		II
34	EL2009	Viết 1	2	2	0	2	0	30	0	60		34		I
35	EL2010	Viết 2	2	2	0	2	0	30	0	60				II
36	EL2007	Đọc Viết 3	3	3	0	3	0	45	0	90		35		III
37	EL2008	Đọc Viết 4	3	3	0	3	0	45	0	90		36		IV
III	Khối kiến thức ngành: 6 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 0 TC), Chiếm tỉ lệ 5% CTĐT													
38	EL2013	Ngữ pháp 1	2	2	0	2	0	30	0	60				I
39	EL2014	Ngữ pháp 2	2	2	0	2	0	30	0	60		38		II
40	EL2015	Phát âm	2	2	0	2	0	30	0	60				I
VI	Khối kiến thức chuyên ngành 34 TC (Bắt buộc: 16TC; Tự chọn: 18 TC), Chiếm tỉ lệ 25% CTĐT													
<i>Kiến thức chung</i>														
41	EL3001	Văn học Anh Mỹ	3	3	0	3	0	45	0	90			41	VI
42	EL3009	Văn hóa Anh Mỹ	4	4	0	4	0	60	0	120			42	VI
43	EL3011	Âm vị - hình vị	3	3	0	3	0	45	0	90			43	V
44	EL3012	Cú pháp học	3	3	0	3	0	45	0	90			44	VI
45	EL3013	Ngữ nghĩa học	3	3	0	3	0	45	0	90			45	VII
<i>Kiến thức chuyên ngành (chọn 1 trong 2 chuyên ngành): 18 TC (Bắt buộc: 0TC; Tự chọn: 18 TC), Chiếm tỉ lệ 15% CTĐT</i>														
A. Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh														
46	EL3014	Phương pháp dạy tiếng Anh 1	3	3	0	3	0	45	0	90				V
47	EL3015	Phương pháp dạy	3	3	0	3	0	45	0	90		46a		VI

		tiếng Anh 2												
48	EL3016	Phương pháp dạy tiếng Anh 3	3	3	0	3	0	45	0	90		47a		VII
49	EL3017	Thực hành giảng dạy	3	3	0	3	0	45	0	90		48a		VIII
50	EL3018	Công nghệ trong giảng dạy Tiếng Anh	3	3	0	3	0	45	0	90			49a	VIII
51	EL3019	Tâm lý giáo dục	3	3	0	3	0	45	0	90			50a	VII
B. Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông														
52	EL3024	Tiếng Anh thương mại 1	3	3	0	0	3	45	0	90				V
53	EL3025	Tiếng Anh thương mại 2	3	3	0	0	3	45	0	90		46b		VI
54	EL3002	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	0	0	3	45	0	90			47b	VIII
55	EL3022	Phiên dịch Anh – Việt nâng cao	3	3	0	0	3	45	0	90			48b	VIII
56	EL3023	Phiên dịch Việt – Anh nâng cao	3	3	0	0	3	45	0	90			49b	VII
57	EL3026	Thư tín thương mại	3	3	0	0	3	45	0	90			50b	VII
Kiến thức bổ trợ: 18TC (Bắt buộc: 15TC; Tự chọn: 03 TC), Chiếm tỉ lệ 15% CTĐT														
<i>Kiến thức bổ trợ bắt buộc</i>														
58	EL3027	Nghệ thuật hùng biện	3	3	0	0	3	45	0	90			52	V
59	EL3003	Biên dịch Anh – Việt	3	3	0	0	3	45	0	90			53	IV
60	EL3004	Biên dịch Việt – Anh	3	3	0	0	3	45	0	90			54	V
61	EL3005	Phiên dịch Anh – Việt	3	3	0	0	3	45	0	90			55	VI
62	EL3006	Phiên dịch Việt- Anh	3	3	0	0	3	45	0	90			56	VII
<i>Kiến thức bổ trợ tự chọn</i>														
63	EL3028	Kiểm tra và đánh giá học tập	3	3	0	0	3	45	0	90			57a	VII
64	EL3029	Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại	3	3	0	0	3	45	0	90			57b	VII
65	EL3030	Truyền thông doanh nghiệp	3	3	0	0	3	45	0	90			57c	VII
IV	Khối kiến thức cuối khóa (thực tập nghề nghiệp, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp/các học phần thay thế): 9 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 0 TC), chiếm 7.5% số TC CTĐT													
66	EL3037	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	3	0	0	90	90		65		VIII
Sinh viên lựa chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế														
67	EL3038	Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)	6	6	0	6	0	90	0	180			63	VIII
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp														
68	EL3007	Năng lực tiếng Anh	3	3	0	3	0	45	0	90			64	VIII
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh														

65a	EL3008	Phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao	3	3	0	0	3	45	0	90				VIII
<i>Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông</i>														
65b	EL3039	Biên phiên dịch thương mại nâng cao	3	3	0	0	3	45	0	90				VIII
Tổng số tín chỉ của toàn chương trình: 120 TC (Bắt buộc: 81 TC; Tự chọn: 39 TC)														

8. Tổ chức thực hiện

8.1 Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Loại HP		Số tiết	
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành
Học kỳ I: 13 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 0 TC)			13						
1	05068	Triết học Mác - Lê nin	3	3	0	3	0	45	0
2	EL2001	Nghe - Nói 1	2	2	0	2	0	30	0
3	EL2005	Đọc 1	2	2	0	2	0	30	0
4	EL2009	Viết 1	2	2	0	2	0	30	0
5	EL2013	Ngữ pháp 1	2	2	0	2	0	30	0
6	EL2015	Phát âm	2	2	0	2	0	30	0
7	02309	LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	5*	5	0	5*	0	75	0
Học kỳ II: 15 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 3 TC)			15						
1	05069	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	2	0	2	0	30	0
2	05070	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	2	0	30	0
3	EL2002	Nghe – Nói 2	2	2	0	2	0	30	0
4	EL2006	Đọc 2	2	2	0	2	0	30	0
5	EL2010	Viết 2	2	2	0	2	0	30	0
6	EL2014	Ngữ pháp 2	2	2	0	2	0	30	0
7	GE1020	Giáo dục thể chất*	3*	1	2	3*	0	15	60
8	02310	TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*)	3*	0	3	3*	0	0	90
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 4)									
8a	EL1002	Tiếng Pháp 1	3	3	0	3	0	45	0
8b	EL1003	Tiếng Nhật 1	3	3	0	3	0	45	0
8c	EL1004	Tiếng Hàn 1	3	3	0	3	0	45	0
8d	EL1005	Tiếng Trung 1	3	3	0	3	0	45	0
Học kỳ III: 15 TC (Bắt buộc: 12 TC; Tự chọn: 3 TC)			15						
1	00007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2	0	30	0
2	05071	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	2	0	30	0
3	00008	Tin học đại cương	2	2	0	2	0	30	0
4	EL2003	Nghe - Nói 3	3	3	0	3	0	45	0
5	EL2007	Đọc Viết 3	3	3	0	3	0	45	0
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 4)									
7a	EL1006	Tiếng Pháp 2	3	3	0	3	0	45	0
7b	EL1007	Tiếng Nhật 2	3	3	0	3	0	45	0
7c	EL1008	Tiếng Hàn 2	3	3	0	3	0	45	0
7d	EL1009	Tiếng Trung 2	3	3	0	3	0	45	0

Học kỳ IV: 16 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 3 TC)			16						
1	00042	Pháp luật đại cương	2	2	0	2	0	30	0
2	EL2004	Nghe - Nói 4	3	3	0	3	0	45	0
3	EL2008	Đọc Viết 4	3	3	0	3	0	45	0
4	EL3003	Biên dịch Anh – Việt	3	3	0	0	3	45	0
5	JS1005	Dẫn luận Ngôn ngữ	2	2	0	2	0	30	0
Học Phần tự chọn (chọn 1 trong 4)									
6a	EL1010	Tiếng Pháp 3	3	3	0	3	0	45	0
6b	EL1011	Tiếng Nhật 3	3	3	0	3	0	45	0
6c	EL1012	Tiếng Hàn 3	3	3	0	3	0	45	0
6d	EL1013	Tiếng Trung 3	3	3	0	3	0	45	0
Học kỳ V: 15 TC (Bắt buộc: 9 TC; Tự chọn: 6 TC)			15						
1	EL3004	Biên dịch Việt – Anh	3	3	0	0	3	45	0
2	EL3011	Âm vị - hình vị	3	3	0	3	0	45	0
3	EL3027	Nghệ thuật hùng biện	3	3	0	0	3	45	0
Chuyên ngành tự chọn (chọn 1 trong 2)									
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh									
4a	EL3014	Phương pháp dạy tiếng Anh 1	3	3	0	3	0	45	0
Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông									
4c	EL3024	Tiếng Anh thương mại 1	3	3	0	0	3	45	0
Học Phần tự chọn (chọn 1 trong 4)									
5a	EL1014	Tiếng Pháp 4	3	3	0	3	0	45	0
5b	EL1015	Tiếng Nhật 4	3	3	0	3	0	45	0
5c	EL1016	Tiếng Hàn 4	3	3	0	3	0	45	0
5d	EL1017	Tiếng Trung 4	3	3	0	3	0	45	0
Học kỳ VI: 16 TC (Bắt buộc: 13 TC; Tự chọn: 3 TC)			16						
1	EL3009	Văn hóa Anh Mỹ	4	4	0	4	0	60	0
2	EL3005	Phiên dịch Anh – Việt	3	3	0	0	3	45	0
3	EL3001	Văn học Anh Mỹ	3	3	0	3	0	45	0
4	EL3012	Cú pháp học	3	3	0	3	0	45	0
Chuyên ngành tự chọn (chọn 1 trong 2)									
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh									
5a	EL3015	Phương pháp dạy tiếng Anh 2	3	3	0	3	0	45	0
Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông									
5c	EL3025	Tiếng Anh thương mại 2	3	3	0	0	3	45	0
Học kỳ VII: 15 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 9 TC)			15						
1	EL3013	Ngữ nghĩa học	3	3	0	3	0	45	0
2	EL3006	Phiên dịch Việt- Anh	3	3	0	0	3	45	0
Chuyên ngành tự chọn (chọn 1 trong 2)									
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh									
3a	EL3016	Phương pháp dạy tiếng Anh 3	3	3	0	3	0	45	0
4a	EL3019	Tâm lý giáo dục	3	3	0	3	0	45	0
Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông									
3c	EL3023	Phiên dịch Việt – Anh nâng cao	3	3	0	0	3	45	0
4c	EL3026	Thư tín thương mại	3	3	0	0	3	45	0
Học Phần bổ trợ ngành tự chọn (chọn 1 trong 3)									
5a	EL3028	Kiểm tra và đánh giá học tập	3	3	0	0	3	45	0
5b	EL3029	Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại	3	3	0	0	3	45	0

10/11/2023
 Đ. Q. H. / 10/11/2023

5c	EL3030	Truyền thông doanh nghiệp	3	3	0	0	3	45	0
Học kỳ VIII: 15 TC (Bắt buộc: 3 TC; Tự chọn: 12 TC)			15						
Chuyên ngành tự chọn (chọn 1 trong 2)									
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh									
1a	EL3018	Công nghệ trong giảng dạy Tiếng Anh	3	3	0	3	0	45	0
2a	EL3017	Thực hành giảng dạy	3	3	0	3	0	45	0
Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông									
1c	EL3022	Phiên dịch Anh – Việt nâng cao	3	3	0	0	3	45	0
2c	EL3002	Giao tiếp liên văn hóa	3	3	0	0	3	45	0
Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp									
3	EL3037	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	3	0	0	90
4	EL3038	Khóa luận tốt nghiệp (có điều kiện – điểm trung bình từ 8.0 trở lên)	6	6	0	6	0	90	0
Học phần thay thế khóa luận									
5	EL3007	Năng lực Tiếng Anh	3	3	0	3	0	45	0
Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh									
6a	EL3008	Phương pháp dạy tiếng Anh nâng cao	3	3	0	0	3	45	0
Chuyên ngành Thương mại – Truyền thông									
6c	EL3039	Biên phiên dịch thương mại nâng cao	3	3	0	0	3	45	0
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA			120						

9. Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)

9.1. Triết học Mác – Lê nin

Học phần trang bị những nội dung cơ bản của thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác – Lê nin trong việc nghiên cứu và học tập các môn học khác trong chương trình đào tạo cũng như các tri thức khác của nhân loại; cho việc vận dụng các tri thức của sinh viên vào đời sống thực tiễn. Làm tiền đề trực tiếp để nghiên cứu các bộ phận cấu thành khác của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tiếp cận môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, định hướng tư tưởng - chính trị trong chuyên ngành được đào tạo

9.2 Kinh tế chính trị Mác – Lê nin

Kinh tế chính trị Mác- Lê nin bao gồm 2 phần: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa và Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội. Phần Học thuyết kinh tế giới thiệu 2 học thuyết cơ bản là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư, qua đó sinh viên được tiếp cận, luận giải các phạm trù kinh tế cơ bản của một nền kinh tế thị trường cạnh tranh tự do. Đồng thời Phần Học thuyết kinh tế cũng luận giải sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn cạnh tranh tự do sang giai đoạn độc quyền, độc quyền nhà nước từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và những đặc điểm kinh tế cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa trong giai đoạn này. Phần Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về Chủ nghĩa xã hội giới thiệu những nội dung cơ bản về vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của

cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN như: xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước XHCN, nền văn hóa XHCN, giải quyết các vấn đề về dân tộc và tôn giáo

9.3 Chủ nghĩa xã hội khoa học

Trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH. Người học có thể nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của CNXHKKH, một trong ba bộ phận cấu thành của Chủ nghĩa Mác – Lênin

9.4 Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng khoa học lý luận về hệ thống quan điểm, cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng CSVN. Hiểu được phương thức triển khai thực hiện các nghị quyết, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Biết vận dụng triển khai chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại của Đảng CSVN trong thời kỳ đổi mới vào hoạt động thực tiễn cuộc sống xã hội nói chung và trong từng lĩnh vực ngành nghề, chuyên môn nói riêng.

9.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Hệ thống những quan điểm toàn diện và sâu sắc về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; Những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam.

9.6 Pháp luật đại cương

Hiểu được những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định cơ bản của các ngành luật.

9.7. Tin học đại cương

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; Khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; Sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; Sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

9.9 Tiếng pháp 1

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản cho người bắt đầu học tiếng Pháp như: Cách phát âm, các đọc, các điểm ngữ pháp, cách sử dụng từ và câu. Mô tả người, vật nuôi. Lên kế hoạch cho bản thân.

9.10 Tiếng Nhật 1

Học phần bao gồm bảng chữ Kana và các bài học của sách Minna no nihongo shokyu I. Mỗi bài là một tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp với người Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật. Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi...

9.11 Tiếng Hàn 1

Môn học cung cấp những kiến thức tiếng Hàn cho người học về phát âm, thứ tự cách viết chữ Hán, cung cấp từ vựng. Hướng dẫn cho sinh viên cách dung từ và câu để từ đó sinh viên có thể áp dụng cho kỹ năng đọc hiểu và giao tiếp những chủ đề thông dụng hàng ngày

9.12 Tiếng Trung 1

Môn học cung cấp những kiến thức tiếng Hoa cho người học về phát âm, thứ tự cách viết chữ Hán, cung cấp từ vựng. Hướng dẫn cho sinh viên cách dung từ và câu để từ đó sinh viên có thể áp dụng cho kỹ năng đọc hiểu và giao tiếp những chủ đề thông dụng hàng ngày.

9.12 Tiếng pháp 2

Môn học cung cấp những kỹ năng nghe nói, đọc và viết cũng như kiến thức cơ bản của ngữ pháp. Cách sử dụng từ vựng trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ phức tạp hơn so với tiếng Pháp 1

9.13 Tiếng Nhật 2

Học phần gồm 10 bài (bài 1 đến bài 10) của sách Marugoto A1-Hoạt động giao tiếp. Các bài học gồm phần luyện tập nghe, nói. Các bài học cung cấp thêm từ vựng, phong cách hội thoại, cử chỉ, điệu bộ, cách nói. Với số lượng khoảng 10 bài đàm thoại trình độ sơ cấp cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

9.14 Tiếng Hàn 2

Môn học cung cấp cho sinh viên kỹ năng viết: SV có thể thực hành viết những câu đơn giản hoặc đoạn văn ngắn dựa vào cấu trúc ngữ pháp đã được học. Kỹ năng nói: có thể tự tin trình bày, giao tiếp những mẫu câu thường ngày trong cuộc sống.

9.15 Tiếng Trung 2

Tiếng Trung 2 cung cấp cho sinh viên 15 bài học với các chủ đề phong phú, đa dạng. Môn học còn cung cấp một số từ vựng, mẫu câu thường sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Ngoài ra sinh viên còn có thể nâng cao khả năng phản xạ ngôn ngữ tiếng Trung thông qua các bài tập tình huống.

Môn học đồng thời còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng để làm bài thi HSK2

9.16 Tiếng pháp 3

Môn học giúp cho sinh viên phát triển những kỹ năng nghe nói đọc và viết, các điểm ngữ pháp, cách sử dụng từ và câu. Môn học còn giúp sinh viên làm quen với các kỹ nghe và đọc hiểu ở mức cơ bản và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày.

9.17 Tiếng Nhật 3

Học phần gồm 8 bài (bài 11 đến bài 18) của sách Marugoto A1-Đọc hiểu. Các bài học gồm phần luyện tập nghe, nói, ngữ pháp và đọc hiểu. Các bài học cung cấp thêm từ vựng, phong cách hội thoại, cử chỉ, điệu bộ, cách nói. Với số lượng khoảng 8 bài đàm thoại trình độ sơ cấp cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

9.18 Tiếng Hàn 3

Môn học cung cấp những kiến thức tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp cho người học. Cung cấp từ vựng, điểm ngữ pháp cơ bản thường dùng theo chủ đề

9.19 Tiếng Trung 3

Tiếng Trung 3 cung cấp cho sinh viên 15 bài học với các chủ đề phong phú, đa dạng. Môn học còn cung cấp một số từ vựng, mẫu câu thường sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Ngoài ra sinh viên còn có thể nâng cao khả năng phản xạ ngôn ngữ tiếng Trung thông qua các bài tập tình huống.

Môn học đồng thời còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng và kỹ xảo để làm bài thi HSK3

9. 20 Tiếng pháp 4

Môn học cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc câu ở cấp độ trung cấp. Giúp cho sinh viên rèn luyện những bài tập kỹ năng nghe nói đọc viết và phát âm. Thực hiện các chủ đề xoay quanh cuộc sống hàng ngày.

9.21 Tiếng Nhật 4

Học phần gồm 8 bài (bài 11 đến bài 18) của sách Marugoto A1-Hoạt động giao tiếp. Các bài học gồm phần luyện tập nghe, nói, tìm hiểu văn hóa Nhật. Các bài học cung cấp thêm từ vựng, phong cách hội thoại, cử chỉ, điệu bộ, cách nói. Với số lượng khoảng 8 bài đàm thoại trình độ sơ cấp cung cấp cho SV các bối cảnh đa dạng về kiến thức giao tiếp, văn hóa, xã hội Nhật Bản.

9.22 Tiếng Hàn 4

Môn học cung cấp cho sinh viên các bài tập rèn luyện các kỹ năng nghe nói đọc viết và hướng dẫn cho sinh viên cách dùng từ và câu để từ đó sinh viên có thể áp dụng cho kỹ năng đọc hiểu và giao tiếp những chủ đề thông dụng hàng ngày.

9.23 Tiếng Trung 4

Tiếng Trung 3 cung cấp cho sinh viên 15 bài học với các chủ đề phong phú, đa dạng. Môn học còn cung cấp một số từ vựng, mẫu câu thường sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Ngoài ra sinh viên còn có thể nâng cao khả năng phản xạ ngôn ngữ tiếng Trung thông qua các bài tập tình huống.

Môn học đồng thời còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng để làm bài thi HSK4

9.24. Giáo dục thể chất

Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

9.25. Giáo dục quốc phòng (Lý thuyết)

Môn học có 5 tín chỉ đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Môn học giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Sinh viên tự nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh về quân sự và tình hình quốc phòng an ninh hiện nay dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

9.26 Giáo dục quốc phòng (Thực hành)

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối.

Sinh viên tự nghiên cứu các vũ khí hủy diệt được Mỹ sử dụng ở Việt Nam từ năm 1955-1975, các chiến thuật của ta dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

9.27 Dẫn luận ngôn ngữ

Học phần được thiết kế để giúp SV nắm bắt làm quen với môi trường học tập mới trang bị cho SV về định hướng nghề nghiệp chuyên ngành các kỹ năng phát triển cá nhân kỹ năng mềm cũng như ý thức đạo đức nghề nghiệp. SV có thể chủ động trong quá trình học tập nghiên cứu ở bậc Đại học chuẩn bị phát triển nghề nghiệp.

9.28 Nghe Nói 1

Học phần bao gồm nội dung: Thực hành nghe nói các chủ đề đơn giản, quen thuộc với đời sống hằng ngày như phỏng vấn một người để biết thông tin cá nhân (backgrounds), mô tả hình dáng bên ngoài của một người, thông báo kết quả của một cuộc khảo sát đơn giản, nói về sở thích và thói quen cá nhân v.v. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên rèn

luyện kỹ năng giao tiếp hằng ngày với khả năng sử dụng các chức năng ngôn ngữ ở mức độ thông thường.

9.29 Nghe Nói 2

Phần bao gồm nội dung: Thực hành Nghe nói các chủ đề quen thuộc trong đời sống và mang tính thảo luận như ‘Các trò chơi có giống đời sống thực? (How are games similar to real life) ‘Các yếu tố để trở thành người kể chuyện hấp dẫn là gì?’(What makes a good storyteller?), thực hành đóng vai và nói trong show truyền hình, tóm tắt một truyện ngắn, thực hành sử dụng các từ, cụm từ nêu quan điểm cá nhân, thể hiện sự lịch sự trong giao tiếp. Luyện nói đúng trọng âm của từ và ngữ điệu trong câu. Học phần này cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng ghi chú đơn giản để chuẩn bị cho một bài nói ngắn gọn, trình bày ý kiến trước tập thể hay thảo luận nhóm.

9.30 Nghe Nói 3

Học phần củng cố lại các kỹ nghe và năng giao tiếp, thảo luận được luyện tập ở học phần Nói 2. Sinh viên có thêm nhiều chủ đề xã hội để trao đổi và nâng cao khả năng giao tiếp, và cách trình bày ý kiến. Sinh viên cũng bắt đầu được hướng dẫn cách thu thập, lựa chọn tài liệu, chuẩn bị dàn ý cho một bài thuyết trình có tính học thuật trước tập thể. Nghe hiểu ý chính và các ý chi tiết các cuộc thảo luận, chương trình radio truyền hình, bài giảng mang tính học thuật, v.v. Sinh viên được rèn luyện các phương pháp ghi chép, đánh giá thông tin và ý kiến qua các bài luyện nghe ở mức độ nâng cao.

9.31 Nghe Nói 4

Học phần bao gồm nội dung: Sinh viên được rèn luyện kỹ năng trao đổi, tranh luận một chủ đề, thể hiện quan điểm cá nhân, khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá một ý kiến, quan điểm, v.v. Học phần giúp sinh viên các kỹ năng giao tiếp thành thạo và có khả năng trao đổi, thảo luận những vấn đề mang tính chuyên môn, học thuật. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghe các bài giảng tiếng Anh trong lớp với chủ đề mang tính xã hội và học thuật. Sinh viên được trang bị kỹ năng ghi chú một bài giảng tiếng Anh, một cuộc thảo luận chuyên đề, v.v Học phần nhằm nâng cao khả năng nghe hiểu ở mức độ nâng cao, phục vụ hiệu quả cho việc học tập, nghiên cứu chuyên môn và nghề nghiệp sau này.

9.32. Đọc 1

Học phần bao gồm nội dung: Các bài đọc xoay quanh các chủ đề về công việc hằng ngày, kỳ nghỉ, âm nhạc, nhập cư, lợi ích của việc suy nghĩ tích cực,... Đọc và nhận dạng các thể loại bài đọc, đọc và suy đoán ý tưởng không được đề cập trực tiếp trong bài đọc. Thực hành kỹ năng đọc kỹ để tìm ý chi tiết trong bài đọc. Học phần này cũng giúp sinh viên trở thành người đọc độc lập, tập trung vào việc nắm vững kỹ năng đọc hiểu, chọn lọc ý quan trọng trong quá trình đọc, hình thành ý tưởng trước khi đọc, nhận xét và thảo luận ý chính.

9.33. Đọc 2

Học phần bao gồm nội dung: Đọc hiểu ý chính và chi tiết các bài đọc đa dạng về chủ đề. Luyện đọc và sắp xếp ý theo đúng trình tự, đọc lướt (skimming) để hiểu ý chính của bài đọc, thực hành đọc và tìm các ý diễn giải (supporting details). Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc một biểu đồ để so sánh các thông tin trong bài đọc và đọc bản đồ tư duy (graphic organizer/ mind map) để phân loại thông tin có trong bài đọc.

9.34. Viết 1

Học phần bao gồm nội dung: Ôn tập các điểm ngữ pháp, các dạng câu và dùng các ngữ liệu này phục vụ cho kỹ năng viết. Hướng dẫn sinh viên làm quen với cách diễn đạt và sắp xếp ý tưởng theo phong cách viết của Anh ngữ. Giúp sinh viên trang bị kỹ năng cơ bản để viết một đoạn văn đúng hình thức, đúng thể loại, biết vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng để diễn đạt ý tưởng của mình một cách đầy đủ và có logic. Môn học này làm nền tảng cho các môn tiếp theo như viết essay, viết tiểu luận và làm research paper.

9.35. Viết 2

Học phần bao gồm nội dung: Thực hành phát triển ý tưởng (brainstorm the ideas) và viết câu chủ đề (topic sentence) để chuyển tải ý tưởng một cách tập trung và rõ ràng. Thực hành viết một đoạn văn gồm các thể loại: miêu tả, kể chuyện, thư đề nghị, thư mang tính cá nhân theo format chuẩn xác, đoạn văn nêu quan điểm, ý kiến cá nhân. Học phần này cũng giúp sinh viên nắm vững cấu trúc câu căn bản, các thì trong tiếng Anh (tenses), từ nối (conjunctions), sắp xếp các ý theo trật tự thời gian có sử dụng từ chỉ trật tự thời gian (time order words) và sự dụng đa dạng các thể loại câu nhằm tạo cho đoạn văn thêm thú vị, hấp dẫn.

9.36. Đọc Viết 3

Cung cấp lý thuyết và luyện tập cho sinh viên các kỹ năng đọc các bài đọc mang tính học thuật, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc hiểu khác nhau như đọc lấy thông tin, đọc lấy ý chính, tiên đoán, suy diễn, hiểu bố cục bài đọc, xử lý từ mới, đánh giá bài đọc, thưởng thức văn phong của tác giả. Các bài tập được thiết kế nhằm giúp sinh viên gia tăng vốn từ vựng và cấu trúc phức tạp của tiếng Anh, áp dụng vào việc đọc hiểu và ghi chú các sách tham khảo.

Trong học phần này, sinh viên cũng sẽ được hướng dẫn theo từng bước chuyển từ cách viết một đoạn văn (paragraph) sang cách viết bài luận ngắn (short essay): Bước đầu làm quen với cách viết một bài luận ngắn (từ 4 đến 5 đoạn văn) thông qua so sánh đối chiếu với cấu tạo của một đoạn văn hoàn chỉnh (a complete paragraph). Vận dụng lý thuyết về cách viết một bài luận sao có tính học thuật (an academic essay) như cách viết câu luận điểm (thesis statement), cách viết đoạn văn nhập đề (introduction), cách phát triển ý, (developmental and organizational patterns) và cách viết đoạn kết thúc (a conclusion paragraph). Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết bài luận ngắn miêu tả (descriptive essay), bài luận so sánh (comparative essay), bài luận nêu quan điểm (opinion), bài luận nêu nguyên nhân-kết quả (cause-effect essay).

9.37. Đọc Viết 4

Học phần này hệ thống toàn bộ các kỹ năng đọc hiểu các bài đọc ở mức độ nâng cao, mang tính chuyên môn, học thuật. Không chỉ dừng lại ở mục đích phục vụ cho việc học tập ở môi trường đại học, những kiến thức và kỹ năng được trình bày và rèn luyện trong học phần này còn trang bị cho các sinh viên một khả năng tiếp cận và xử lý tốt hơn các tài liệu viết bằng tiếng Anh trong môi trường làm việc liên quan đến ngành nghề chuyên môn.

Học phần bao gồm các nội dung: nghiên cứu hình thức, cấu trúc và nội dung của một bài luận nghiên cứu (researched essay). Tìm ý tưởng và các bước thực hiện một bài luận mang tính nghiên cứu (khoảng 400- 450 từ). Học phần rèn luyện cho sinh viên cách

duy logic và khả năng lập luận, thuyết phục người đọc khi viết bài luận mang tính học thuật về các chủ đề như nghệ thuật, tâm lý, đạo đức, sự nghiệp, văn chương, v.v. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng viết cần thiết cho việc học tập, nghiên cứu ở bậc sau đại học.

9.38. Ngữ Pháp 1

Học phần bao gồm nội dung: Hệ thống các điểm ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh ở mức độ trung cấp bậc B1 Sinh viên thực hành các bài tập đa dạng có nội dung thú vị, sinh động, phản ánh ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển vốn từ vựng để có thể rèn luyện kỹ năng nói, viết và thảo luận. Ngoài ra, sinh viên cũng nhận thấy các điểm ngữ pháp được sử dụng trong ngữ cảnh thật (real context) trong giáo trình English Grammar in Context. Các bài tập mở rộng thêm phù hợp cho việc thực hành theo nhóm.

9.39. Ngữ Pháp 2

Học phần bao gồm nội dung: Hệ thống các điểm ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh ở mức cao trung cấp bậc B2 (CEF). Sinh viên thực hành các bài tập đa dạng có nội dung thú vị, sinh động, phản ánh ngôn ngữ trong giao tiếp hằng ngày. Học phần cũng giúp sinh viên phát triển vốn từ vựng để có thể rèn luyện kỹ năng nói, viết và thảo luận. Ngoài ra, sinh viên cũng nhận thấy các điểm ngữ pháp được sử dụng trong ngữ cảnh thật (realistic context) trong giáo trình English Grammar in Context. Các bài tập mở rộng thêm phù hợp cho việc thực hành theo nhóm.

9.40. Phát Âm

Học phần bao gồm nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cách phát âm các âm trong tiếng Anh, cách nhấn giọng và ngữ điệu nhằm giúp sinh viên có thể nghe và phát âm đúng tiếng Anh. Môn học này cũng giúp sinh viên nắm bắt được hệ thống phát âm của tiếng Anh để có thể biết cách phát âm các từ mới.

9.41. Văn Học Anh Mỹ

Là phần tiếp theo của học phần Nhập môn văn hóa Anh Mỹ, học phần giới thiệu văn học Anh và Mỹ thông qua các tác phẩm tiêu biểu của các thời kỳ và các tác giả điển hình với các thể loại văn học như: các bài ballad, truyện thơ, thơ, truyện ngắn, và các trích đoạn tiểu thuyết và bi kịch theo các chủ đề văn học. Tạo cơ hội cho sinh viên làm quen với các kỹ thuật phê bình văn học cũng như ứng dụng kiến thức này vào việc nâng cao cảm thụ văn học qua các hoạt động diễn dịch, thuyết trình và thảo luận.

9.42. Văn Hóa Anh Mỹ

Học phần bao gồm nội dung: Cung cấp kiến thức chung về địa lý lịch sử, đất nước, con người, phong tục, hệ thống giáo dục, kinh tế, v.v của nước Anh, Mỹ và những thể chế xã hội để tạo nên nét đặc thù nhằm phân tích những đặc điểm riêng biệt của nền văn minh Anh Mỹ.

9.43. Âm vị Hình vị

Học phần cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về hệ thống âm, âm vị, vai trò và quan hệ của âm vị trong ngôn ngữ, dấu nhấn, ngữ điệu, một số kiến thức cơ bản về cấu trúc từ, hình vị, phân loại hình vị và các đặc tính của hình vị, sự hình thành từ trong

tiếng Anh.

9.44. Cú pháp học

Học phần cung cấp cho sinh viên các cấu trúc câu, thực hành phân tích các từ loại và chức năng các thành phần trong câu. Học phần này cũng giúp sinh viên nắm vững cấu trúc câu trong tiếng Anh và một số các mẫu cơ bản.

9.45. Ngữ nghĩa học

Học phần cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về ngữ nghĩa học, các loại nghĩa, các tính chất, các mối quan hệ về nghĩa trong ngôn ngữ.

9.46. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho việc giảng dạy tiếng Anh như: nghiên cứu các phương pháp giảng dạy tiếng Anh, nghiên cứu những đặc điểm khác nhau của người học (learner differences), tính chất và vai trò của người dạy học, kỹ thuật giảng dạy hiện đại và nguồn tài liệu giảng dạy và tham khảo, phương pháp giảng dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, phát âm và từ vựng, v.v, kỹ năng quản lý lớp học, cách thức kiểm tra và đánh giá học tập, tâm lý giáo dục.

9.47. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2

Học phần giúp sinh viên phát triển các kiến thức về kỹ năng và phương pháp giảng dạy; kỹ năng triển khai các hoạt động lớp, soạn giáo án, giảng thử. Học phần này còn giúp cho sinh viên phát triển những kiến thức và kỹ năng tương ứng với ngành nghề mà mình đã chọn. Học phần phản thiên về cả lý thuyết các yếu tố cốt lõi tâm lý của người dạy và học quá trình dạy và học ngoại ngữ cũng như các phương pháp giảng dạy và các kỹ năng và yếu tố ngôn ngữ. Bên cạnh đó sinh viên có cơ hội thực hành giảng thử và nhận được những ý kiến đóng góp từ giảng viên và các bạn sinh viên cùng lớp để có thể hoàn thiện giáo án và bài giảng cũng như có sự tự tin khi đứng lớp.

9.48. Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 3

Khóa học này cung cấp cho các giáo viên EAL / ESL / EFL có nguyện vọng và / hoặc thực hành có cơ hội thực hiện thực hành trong lớp học nâng cao trong lĩnh vực chuyên môn này. Khóa học cung cấp hai tùy chọn để thực hành chuyên nghiệp nâng cao, bao gồm giảng dạy cấp cao, quan sát và phản ánh quan trọng trong một thiết lập TESOL chuyên sâu. Khóa học thực hành nghề nghiệp này thường được thực hiện cùng với việc hoàn thành các khóa học đồng điều kiện tiên quyết Phương pháp luận TESOL Nâng cao và Thiết kế và Đánh giá Chương trình giảng dạy TESOL Nâng cao.

9.49. Thực hành giảng dạy

Học phần chuẩn bị cho sinh viên kỹ năng giảng dạy lớp thực. Trọng tâm chính của học phần này là hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài dạy theo nhóm. Sau đó, họ thực hành giảng dạy trước lớp để lớp quan sát và thảo luận. Sinh viên thực hành giảng dạy kỹ năng, nghe, nói đọc, viết, ngữ pháp. Sinh viên thảo luận và nhận xét, sau đó giáo viên hướng dẫn nhận xét và đóng góp ý kiến.

9.50. Công nghệ trong giảng dạy tiếng Anh

Trình bày một số vấn đề của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy ngoại ngữ. Giới thiệu tính năng, tác dụng của một số loại phương tiện kỹ thuật dạy học thông dụng để sinh viên có thể khai thác một cách hợp lý, hiệu quả trong dạy học sau khi ra trường.

9.51. Tâm lý giáo dục

Học phần bao gồm các nội dung: cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử hình thành môn tâm lý giáo dục, biết được mục đích và nội dung thiết thực của môn tâm lý ứng dụng và giáo dục để ứng dụng hiệu quả cho các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

9.52. Tiếng Anh thương mại 1

Tiếng Anh Thương mại 1 là phần giới thiệu trình độ sơ cấp về các chủ đề cơ bản nhất mà sinh viên tốt nghiệp có thể gặp phải trong giai đoạn đầu của sự nghiệp. Nó giới thiệu cho sinh viên những từ vựng và kịch bản chung chung cho các tổ chức đa ngôn ngữ hiện đại. Phương pháp giảng dạy bao gồm việc hoàn thành và thẩm vấn các tài liệu trong sách học về Market Leader bao gồm các bài tập, ghi âm và đọc với tư cách cá nhân, cặp & nhóm. Khóa học dựa vào việc sinh viên truy xuất các video và bài báo thực tế liên quan đến kinh doanh trên internet để phân tích phân biện. Phương tiện tương tác và nghiên cứu internet trong lớp là rất quan trọng đối với khóa học này.

9.53. Tiếng Anh thương mại 2

Tiếng Anh Thương mại 2 xây dựng trực tiếp trên Tiếng Anh Thương mại 1 với kết quả tương tự nhưng vốn từ vựng và hoạt động ngày càng tăng xung quanh các chức năng kinh doanh cốt lõi. Chúng bao gồm Tiếp thị, Nhân sự, Quản lý hoạt động và một số khái niệm cơ bản về Tài chính. Khóa học này nỗ lực hơn nữa để đưa kinh doanh quốc tế vào lớp học. Nó được thiết kế để sử dụng cho sinh viên chuẩn bị cho sự nghiệp kinh doanh hoặc sinh viên muốn khám phá cải thiện kỹ năng giao tiếp của họ từ một viễn cảnh tương lai thực tế mà họ mong đợi gặp phải. Nó sẽ kết hợp những ý tưởng nổi bật gần đây từ thế giới kinh doanh với một cách tiếp cận dựa trên nhiệm vụ một cách mạnh mẽ. Đóng vai, nghiên cứu và thuyết trình nhóm tư duy phân biện là những tính năng thường xuyên. Trong suốt khóa học, sinh viên được khuyến khích sử dụng kinh nghiệm và ý kiến của bản thân và sở thích cá nhân để tối đa hóa sự tham gia và học tập, đồng thời trao quyền cho họ sự tự tin trong việc tìm kiếm việc làm tại những nơi làm việc đa văn hóa trong tương lai.

9.54. Giao tiếp liên văn hóa

Học phần giúp sinh viên hình thành và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của văn hóa trong giao tiếp. Giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm vận dụng vào việc giảng dạy tiếp Anh.

9.55 Phiên dịch Anh Việt nâng cao

Học phần giúp cho người học nâng cao khả năng phiên dịch với các bài học khó hơn. Sinh viên được nâng cao từ vựng song ngữ, giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng phiên dịch nâng cao gồm dịch thấp tầng và dịch cabin; củng cố cho sinh viên các phẩm chất cần có của người phiên dịch trong mỗi kỹ năng dịch; cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng dịch này theo các chủ đề có liên quan đến môi trường kinh doanh thương mại... Tài liệu sử dụng cho học phần này là những bài báo, tin tức thời sự... về những tình hình đang xảy ra tại thời điểm học nhằm đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn cho *sinh viên* từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

9.56 Phiên dịch Việt Anh nâng cao

Học phần giúp cho người học nâng cao khả năng phiên dịch với các bài học khó hơn. Sinh viên được nâng cao từ vựng song ngữ, giới thiệu cho sinh viên các kỹ năng phiên dịch nâng cao gồm dịch thấp tầng và dịch cabin; củng cố cho sinh viên các phẩm chất cần có của người phiên dịch trong mỗi kỹ năng dịch; cung cấp cơ hội cho sinh viên thực hành các kỹ năng dịch này theo các chủ đề có liên quan đến môi trường kinh doanh thương mại... Tài liệu sử dụng cho học phần này là những bài báo, tin tức thời sự... về những tình hình đang xảy ra tại thời điểm học nhằm đảm bảo tính cập nhật và thực tiễn cho *sinh viên* từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

9.57. Thư tín thương mại

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết các hợp đồng, thư thương mại, đơn đặt hàng v.v bằng tiếng Anh theo đúng quy cách. Học phần giúp sinh viên tích lũy kiến thức và nhận thức được tầm quan trọng của việc viết hiệu quả các văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

9.58. Nghệ Thuật Hùng Biện

Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ thuật chuẩn bị và thể hiện bài nói, bài thuyết trình trước công chúng một cách tự tin và hiệu quả. Môn học này cũng giúp sinh viên luyện tập khả năng tổ chức các cuộc tranh luận, thảo luận trong nhóm về một đề tài.

9.59. Biên dịch Anh Việt

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng dịch Anh- Việt. Đây là môn học luyện dịch căn bản nhằm giúp sinh viên làm quen với kỹ năng dịch thuật, củng cố vốn ngữ pháp cần thiết và trang bị cho sinh viên một số nguyên tắc cơ bản về dịch câu. Các kiến thức căn bản được đưa vào giảng dạy trong môn học này gồm ngữ pháp tiếng Anh, các mẫu câu thông dụng và vốn từ căn bản. Ngoài ra môn này còn giúp cho sinh viên làm quen với kỹ năng biên phiên dịch trên cơ sở dịch câu.

9.60. Biên dịch Việt Anh

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng dịch Việt-Anh. Đây là môn học luyện dịch căn bản nhằm giúp sinh viên làm quen với kỹ năng dịch thuật, củng cố vốn ngữ pháp cần thiết và trang bị cho sinh viên một số nguyên tắc cơ bản về dịch câu. Các kiến thức căn bản được đưa vào giảng dạy trong môn học này gồm ngữ pháp tiếng Anh, các mẫu câu thông dụng và vốn từ căn bản. Ngoài ra môn này còn giúp cho sinh viên làm quen với kỹ

năng biên phiên dịch trên cơ sở dịch câu.

9.61. Phiên dịch Anh Việt

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản dịch nói Anh- Việt. Môn học giúp sinh viên nắm bắt được phương pháp dịch nói trong cuộc hội thảo chuyên môn, công việc hằng ngày: phương pháp, kỹ thuật dịch, phân biệt sự khác nhau giữa cấu trúc Tiếng Việt và Tiếng Anh, tìm phương pháp giải quyết những vướng mắc trong phiên dịch đặc biệt là sự tác động của tiếng Việt.

9.62. Phiên dịch Việt Anh

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng cơ bản dịch nói Việt- Anh. Môn học giúp sinh viên nắm bắt được phương pháp dịch nói trong cuộc hội thảo chuyên môn, công việc hằng ngày: phương pháp, kỹ thuật dịch, phân biệt sự khác nhau giữa cấu trúc Tiếng Việt và Tiếng Anh, tìm phương pháp giải quyết những vướng mắc trong phiên dịch đặc biệt là sự tác động của tiếng Anh

9.63. Kiểm tra đánh giá học tập

Học phần rèn luyện cho sinh viên nghiên cứu thử nghiệm và đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá học tập. Sinh viên có thể hiểu được các tính năng cơ bản của từng loại bài kiểm tra ngôn ngữ tiếng Anh và đánh giá và xây dựng cũng như thiết kế một bài kiểm tra có hiệu quả, đúng quy cách và phù hợp với các mục tiêu của bài kiểm tra ngôn ngữ.

9.64. Nghiệp vụ thư ký văn phòng đối ngoại

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng về soạn thảo văn bản hành chính, lưu trữ văn bản, công văn... quy trình chuẩn bị và sắp xếp xếp ngày làm việc có hiệu quả, tổ chức dự toán chi phí hội nghị, hội thảo. Nắm vững vai trò, chức năng nhiệm vụ của thư ký, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức văn phòng làm việc.

9.65. Truyền thông doanh nghiệp

Học phần Truyền thông doanh nghiệp được xây dựng để giúp sinh viên hiểu về nội dung, cấu trúc, và đặc điểm ngôn ngữ để có thể soạn thảo các văn bản truyền thông doanh nghiệp khác nhau như thông cáo báo chí, tin tức nổi bật, tin tức truyền thông, blogs và các dạng văn bản khác. Không tiếp cận truyền thông đại chúng từ góc độ báo chí, cũng không tập trung vào các khía cạnh kỹ thuật của sản xuất truyền thông, khóa học này được thiết kế dành riêng cho các giám đốc điều hành quan hệ công chúng, bộ phận bán hàng và tiếp thị, những người muốn áp dụng năng lực ngôn ngữ của họ để thiết lập kênh truyền thông tiếng Anh cho một tổ chức. Bên cạnh đó, khóa học này cũng củng cố và bổ sung cho các sinh viên kỹ năng viết liên quan đến học thuật hoặc kinh doanh.

9.66. Thực tập tốt nghiệp

Sinh viên đến các trường học thực tập giảng dạy hoặc các cơ quan thực tập các công việc có sử dụng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành mình đã chọn. Đây là giai đoạn giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc, trao đổi thêm kiến thức và kỹ năng giữa học tập và thực tế yêu cầu của các cơ quan truyền thông. Kết quả phải có báo cáo và trình bày báo cáo trước bộ môn.

9.67 Khóa luận tốt nghiệp

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình cá nhân về một vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành sinh viên theo học dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn và được duyệt bởi bộ môn và Hội đồng Khoa học khóa tốt nghiệp thường được phát triển từ thực tập tốt nghiệp. Báo cáo khóa tốt nghiệp phải trình bày rõ vấn đề cần giải quyết, giải pháp lựa chọn, các kết quả, hướng phát triển và kết luận, có báo cáo và trình bày kết quả trước Hội đồng bảo vệ Khóa luận. Hội đồng có tối thiểu 3 giảng viên tham gia trong đó có: 01 chủ tịch hội đồng; 01 thư ký hội đồng; các ủy viên hội đồng.

9.68. Năng lực Tiếng Anh

Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực sử dụng tiếng Anh ở cấp độ C1, bao gồm cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Sinh viên được làm quen các dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh phổ biến trong và ngoài nước, và phát triển năng lực tiếng Anh toàn diện.

9.69 Phương pháp giảng dạy tiếng Anh chuyên sâu

Phân tích đặc điểm của người học, hoạt động dạy học, cách sử dụng đồ dùng dạy học, cách sử dụng giáo trình. Phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết). Cách đánh giá và kiểm tra. Tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong quá trình dạy học. Cách quản lý lớp học.

9.70 Biên phiên dịch thương mại nâng cao

Mục đích của khóa học là giúp sinh viên:

Nắm vững cách dịch ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích; Thực hành dịch câu và đoạn văn; phát triển khả năng tư duy phản biện và lập luận một cách mạnh mẽ; tích lũy kiến thức và kinh nghiệm về chuỗi kỹ năng phiên dịch (V-E); ý thức trách nhiệm đối với nội dung bản dịch, nâng cao kỹ năng viết và kỹ thuật dịch thuật